

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07/5/2024

Về vụ: Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Lê và ông Lê Bá Tự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Tùng – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 07/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị P, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn CT, xã HĐT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1986; Địa chỉ: Thôn CT, xã HĐT, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P và ông Nguyễn Văn T kết hôn tự nguyện năm 2022, có đăng ký kết hôn tại UBND xã HĐT. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại nhà trọ ở thành phố TH. Bà P làm công nhân may nhưng phải lo mọi chi phí ăn ở mà ông T không vừa lòng còn đánh, chửi vô cớ. Ông T nhiều lần yêu cầu bà P phải đưa tiền cho ông để sử dụng cá nhân, không có tiền đưa thì ông T hành hung. Đầu năm 2023, bà P có mua trả góp xe máy cho ông T sử dụng nhưng ông T nhiều lần cầm cố xe máy và bà P chuộc xe về. Sáng ngày 15/12/2023, ông T tiếp tục yêu cầu bà P đưa tiền, không có tiền đưa thì ông T nhắn nhiều tin có nội dung hăm dọa, để tránh bị ông T đánh nên bà P về nhà cha mẹ ruột ngủ tạm thì ông T đến nhà cha mẹ gây sự, chửi mắng bà P và cha mẹ P,

sau đó ông quay lại nhà trọ đốt hết quần áo và thuốc bệnh của bà P Từ đó vợ chồng không sống chung đến nay, cuộc sống hôn nhân giữa bà P và ông T không hạnh phúc, ông T không quan tâm, chia sẻ mà chỉ xem bà P như người cung cấp tiền, nếu không đáp ứng thì sẵn sàng đánh đập, hăm dọa nên bà P làm đơn ly hôn, sau khi bà làm đơn gửi Tòa án, khoảng tháng 01/2024 ông T tiếp tục gây sự, bà P không thể quay lại sống chung với ông T nên bà kiên quyết yêu cầu Tòa giải quyết cho bà P được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án tổng đạt và triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vắng mặt không có lý do từ khi thụ lý cho đến khi xét xử vụ án nên không có ý kiến trình bày.

Tòa án nhân dân huyện PH không tiến hành hòa giải được do vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Lê Thị P giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông T; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Bị đơn ông T vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật, bị đơn chấp hành quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho bà P được ly hôn với ông T; Về con chung: không có; Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét. Nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Nguyễn Văn T và bị đơn có nơi cư trú tại xã HDT, huyện PH. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn T tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại UBND xã HDT, huyện PH theo Giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 22/6/2022 nên hôn nhân giữa bà P và ông T là hợp pháp. Bà P xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, bà P thấy rằng ông T không yêu thương, không có trách nhiệm với bà P, nhiều lần hành hung, hăm dọa, đánh đập nên dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng không còn sống chung với nhau, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, được gia đình thông báo các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không đến Tòa tham gia tố tụng cũng như có ý kiến trình bày gửi về Tòa án, không có biện pháp gì để duy trì hôn nhân với bà P và đề mặc cho Tòa án giải quyết; Tại kết quả xác minh ngày 28/02/2024, xác định ông T có hành vi chặn đầu xe, gây sự với bà P ở thôn CT vào tháng 01/2024. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn T không còn hạnh phúc, không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị P xác định giữa bà P và ông T không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326//2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

2. *Về con chung:* Không có.

3. *Về tài sản và nghĩa vụ chung về tài sản:* Nguyên đơn bà Lê Thị P không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp tại phiếu thu số 0010294 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên nên bà P đã nộp đủ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH;
- Chi cục THADS huyện PH;
- UBND xã HDT
(Số 31 ngày 22/6/2022);
- Đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Minh Nhật